

Bến Cầu, ngày 05 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO

Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023 và những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong công tác quản lý tài sản công năm 2024

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh

Thực hiện Công văn số 37/UBND-KT, ngày 05/01/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023 và những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong công tác quản lý tài sản công năm 2024. Ủy ban nhân dân huyện Bến Cầu báo cáo như sau:

I. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023

1. Kết quả sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 về sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017.

Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ trên địa bàn huyện Bến Cầu, cụ thể

Tổng số cơ sở nhà, đất trên địa bàn huyện thuộc phạm vi đối tượng sắp xếp, xử lý theo quy định là 101 trụ sở. Trong đó:

- Giữ lại tiếp tục sử dụng 76 trụ sở.

- Điều chuyển 14 trụ sở.

+ Đã thực hiện điều chuyển xong 12/14 vị trí.

+ Còn 02 vị trí chưa điều chuyển, Trong đó: 01 Vị trí: Hội Đông y huyện Bến Cầu (cũ) điều chuyển cho UBND Thị trấn Bến Cầu Phân diện tích lô giới 62,5 m² và Phân diện tích đất 80,7 m² không đủ diện tích tách thửa giao cho UBND xã Long Giang quản lý, UBND huyện Bến Cầu đã làm thủ tục điều chuyển. Thông báo số 141/TB-STC ngày 17/7/2023 của Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh về việc từ chối giải quyết hồ sơ (Tờ trình số 163/TTr-UBND ngày 22/6/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Bến Cầu về việc xin điều chuyển, tiếp nhận quản lý đất trường Tiểu học Long Giang (Mẫu giáo Long Giang cũ)), cho UBND xã Long Giang. Lấy ý kiến của Sở Tài nguyên - Môi trường về khu đất trường Tiểu học Long Giang (Mẫu giáo Long Giang cũ).

Ủy ban nhân dân huyện Bến Cầu đã có văn bản xin ý kiến đối với khu đất trường Tiểu học Long Giang (Mẫu giáo Long Giang cũ), Sở Tài nguyên - Môi trường tỉnh Tây Ninh có văn bản trả lời tại Công văn số 5963/STNMT-

VPĐKĐĐ ngày 23/8/2023 của Sở Tài nguyên - Môi trường. UBND huyện đã gửi Sở Tài chính (Công văn số 1366/UBND, ngày 29/8/2023). Tuy nhiên tới nay UBND huyện chưa nhận được phản hồi.

- Bán 11 trụ sở:

+ 08 vị trí bán đấu giá đất ở, hiện huyện đang làm các thủ tục trình UBND tỉnh thu hồi đất để giao cho huyện tổ chức bán đấu giá.

+ 03 vị trí đất kinh doanh dịch vụ thương mại, huyện đang hoàn chỉnh các thủ tục để kêu gọi thu hút đầu tư.

(kèm theo phụ lục mẫu 01 chi tiết).

2. Kết quả xây dựng kế hoạch kiểm tra chuyên đề đối với việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị, địa phương và tổ chức thực hiện năm 2023.

Căn cứ Quyết định số 378 /QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2023. UBND huyện Bến Cầu ban hành Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 18/4/2023 của UBND huyện Bến Cầu về việc ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác THTKCLP và công tác quản lý tài chính, tài sản công năm 2023 trên địa bàn huyện.

Quyết định số 1769/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của UBND huyện về thành lập Đoàn kiểm tra công tác THTKCLP và công tác quản lý tài chính, tài sản công năm 2023.

Kết quả Đoàn đã kiểm tra 05 cơ quan, đơn vị (Phòng Lao động Thương binh và Xã hội; UBND xã Long Chữ, Long Phước; trường THCS Thị trấn Bến Cầu và trường TH Lợi Thuận.

Qua công tác kiểm tra, nhìn chung các cơ quan, đơn vị được kiểm tra chấp hành đúng các quy định về công tác THTKCLP và công tác quản lý tài chính, tài sản công (*gửi kèm báo cáo số 322/BC-ĐKT ngày 24/10/2023*).

3. Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023

3.1 Tài sản là đất và nhà tăng năm 2023:

a) Về đất: tăng 2.624 m² (Trụ sở công an Thị trấn Bến Cầu).

b) Về nhà:

- Tổng diện tích xây dựng tăng thêm: 4.714 m² (xây dựng mới đưa vào sử dụng).

- Với nguyên giá: 27.966.008.000 đồng.

3.2 Tài sản là đất và nhà giảm năm 2023:

a) Về đất: Không giảm.

b) Về nhà:

- Tổng diện tích nhà giảm 188,37 m² (Hết khấu hao, hư hỏng phá dỡ thanh lý, xây dựng trụ sở mới - dãy nhà BCH Quân sự xã An Thạnh).

- Với nguyên giá: 65.000.000 đồng.

(kèm theo phụ biểu).

3.3 Kết quả chuyên đổi dữ liệu, cập nhật dữ liệu về tài sản công vào phần mềm Quản lý tài sản công.

Hiện nay việc truy cập, cập nhật dữ liệu về tài sản công vào phần mềm Quản lý tài sản công chưa thực hiện được.

4. Số tiền thu nộp từ xử lý tài sản công theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 16/12/2017.

Không phát sinh.

II. Các nhiệm vụ, giả pháp trong tâm trong công tác quản lý sử dụng tài sản công năm 2024.

1. Tiếp tục quán triệt, phổ biến, tuyên truyền Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật.

2. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 06/12/2022 của Quốc hội về việc đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Rà soát tiêu chuẩn định mức xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; tham mưu việc mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng xe ô tô theo đúng tiêu chuẩn, định mức được giao; đề xuất, xử lý, thanh lý xe ô tô dôi dư và các nhiệm vụ khác theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

4. Tiếp tục thực hiện nghiêm và đầy đủ các quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan về việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết, gồm: lập, thẩm định, phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết; tổ chức thực hiện theo Đề án đã được phê duyệt; xác định giá trị tài sản để đưa vào liên doanh, liên kết, xác định giá cho thuê tài sản công; đồng thời thực hiện việc theo dõi, hạch toán tài sản công theo đúng quy định.

5. Đối với việc sắp xếp, xử lý nhà, đất:

Tiếp tục rà soát, đề xuất việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất, bô trí sử dụng, xử lý tài sản dôi dư theo đúng quy định của pháp luật.

Báo cáo kê khai, đề xuất, lập phương án xử lý đối với nhà, đất phải sắp xếp lại của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Tổ chức thực hiện xử lý theo đúng phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy định của pháp luật; thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về đấu giá khi bán, chuyển nhượng tài sản công, quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về thẩm định giá và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công khi xác định giá khởi điểm để bán đấu giá, xác định giá khởi điểm khi thực hiện phương án bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và xác định

tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi chuyển mục đích sử dụng đất.

Thực hiện báo cáo, chuẩn hóa số liệu tình hình sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo hướng dẫn tại Công văn số 2635/BTC-QLCS ngày 22/3/2023 của Bộ Tài chính.

Tiếp tục rà soát, tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của các cơ quan, tổ chức tại các đơn vị hành chính đúng thời hạn, đảm bảo công khai, minh bạch, tránh thất thoát, lãng phí theo đúng chỉ đạo tại Công điện số 771/CD-TTg ngày 29/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Công văn số 9899/BTC-QLCS ngày 15/9/2023 của Bộ Tài chính, Công văn số 4405/UBND-KT ngày 31/8/2023 và Công văn số 4799/UBND-KT ngày 22/9/2023 của UBND tỉnh.

6. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát đối với công tác quản lý, sử dụng tài sản công; tăng cường tuyên truyền, nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ quản lý, sử dụng tài sản công; ngăn chặn kịp thời, xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật liên quan đối với các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý có hành vi vi phạm trong quản lý, sử dụng tài sản công.

Trên đây là báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023 và những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong công tác quản lý tài sản công năm 2024. UBND huyện Bến Cầu báo cáo Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng TCKH;
- Lưu: VT. PTCKH.

KÝ CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Thanh Mêm

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CẨU



Mẫu số 04a-DK/TSC

BÁO CÁO KÊ KHAI TRƯỞNG VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ NĂM 2023.

I. Về đất:

a. Địa chỉ:

b. Diện tích khuôn viên đất: m²

c. Hiện trạng sử dụng: Làm trọ/sđ/kết việc: 2.359 m²; Kinh doanh:..... m²; Cho thuê:.... m²; Liên doanh, liên kết:..... m²; Sử dụng khác:..... m².

d. Giá trị theo sổ kê tài sản: 27.966.008 nghìn đồng.

II. Về nhà:

TÀI SẢN	CẤP HẠNG	NĂM XÂY DỰNG	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KÊ TOÁN (Nghìn đồng)			SỐ TẦNG	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SẢN SỨ DỤNG (m ³)	Trụ sở làm việc	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Kinh doanh	Cho thuê	Lĩnh doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp										
				Nguyên giá		Giá trị còn lại																			
				Tổng cộng	Trong đó																				
I. Khoái quyền lý nhà nước	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17								
1. UBND Thị trấn Bến Cầu				12.562.168	-	12.059.681	4	1.625	2.359	2.359															
- Trụ sở làm việc Công an Thị trấn	III	2023	26/10/2023	4.065.822	4.065.822	-	3.903.189	1	269,70	539,40	539,40														
2. UBND xã Tiên Thuận				8.496.346	8.496.346	-	3.903.189	1	269,7	539,4	539,4														
- Trụ sở UBND xã	III	2023	07/10/2023	4.720.057	4.720.057	-	8.156.492	3	1.356	1.820	1.820														
- Nhà làm việc Công an	III	2023	07/10/2023	2.818.524	2.818.524	-	4.531.255	1	557,3	1.021,5	1.021,5														
- Nhà 1 của UBND xã	III	2023	07/10/2023	957.765	957.765	-	919.454	1	258,5	258,5	258,5														
II. Khoái sự nghiệp				15.403.840	15.403.840	-	14.787.686	4	1.177	2.355	2.355														
1. Trường Tiểu học Long Giang (Nhà H)	III	2023	01/09/2023	11.083.861	11.083.861	-	10.640.507	2	775	1.551	1.551														
2. Trường THCS Long Giang (Nhà H)	III	2023	01/11/2023	4.319.979	4.319.979	-	4.147.180	2	402	804	804														
			Tổng cộng (I + II)			27.966.008	27.966.008	8	2.802	4.714	4.714														
III. Các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng nhà, đất: (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hợp đồng thuê đất, Giấy tờ khác).																									
- Báo cáo kê khai lần đầu: X																									
- Báo cáo kê khai bổ sung: □																									
- (1) Mỗi trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp được giao cho nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng mà có thể tách biệt được phần sử dụng của																									
- Trường hợp kê khai lần đầu đánh (x) vào dòng Báo cáo kê khai bổ sung																									
- Chi tiêu "sử dụng khác" để phản ánh hiện trạng sử dụng ngoài các mục đích làm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết thi kê khai vào "cơ sở hoạt động sự nghiệp" và có chủ thích "sử dụng một phần vào kinh																									
- Trường hợp trên khuôn viên đất có tòa nhà, villa sử dụng làm cơ sở hoạt động sự nghiệp, villa sử dụng vào kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết thi kê khai tương ứng diện tích sử dụng của từng mục đích sử dụng; nếu không tách riêng đối với từng mục đích sử dụng, thi kê khai tương ứng diện tích đối với từng mục đích sử dụng																									

III. Các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng nhà, đất: (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hợp đồng thuê đất, Giấy tờ khác).

- Báo cáo kê khai lần đầu: X

- Báo cáo kê khai bổ sung: □

- (1) Mỗi trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp được giao cho nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng mà có thể tách biệt được phần sử dụng của

- Trường hợp kê khai lần đầu đánh (x) vào dòng Báo cáo kê khai bổ sung

- Chi tiêu "sử dụng khác" để phản ánh hiện trạng sử dụng ngoài các mục đích làm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết thi kê khai vào "cơ sở hoạt động sự nghiệp" và có chủ thích "sử dụng một phần vào kinh

- Trường hợp trên khuôn viên đất có tòa nhà, villa sử dụng làm cơ sở hoạt động sự nghiệp, villa sử dụng vào kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết thi kê khai tương ứng diện tích sử dụng của từng mục đích sử dụng; nếu không tách riêng đối với từng mục đích sử dụng, thi kê khai tương ứng diện tích đối với từng mục đích sử dụng



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU

Mẫu số 04b-ĐK/TSC

BÁO CÁO KẾ KHAI XE Ô TÔ CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ NĂM 2023

TÀI SẢN	NHÀN HIỆU	BIÊN KIỂM SOAT	SỐ CHÔNG LITAI TRỌNG	NƯỚC SAN XUẤT	NĂM SAN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	CÔNG SUẤT XE	CHỨC DANH SỬ DỤNG XE	NGUỒN GỐC XE	GIÁ TRỊ THEO SỐ KẾ TOÁN (nghìn đồng)			HIỆN TRẠNG SỰ DÙNG						
										Nguyên giá			Hoạt động sự nghiệp						
										Trong đó	Tổng cộng	Nguồn NS khác	Quản lý nhà nước	Kinh doanh	Cho thuê doanh, liên kết				
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1- Xe phục vụ chức danh																			
1- Xe...																			
2- Xe...																			
II. Xe phục vụ chung																			
1. Toyota Corolla	Toyota	70B-0322	5		2004	2004	1.8	Phục vụ chung	Ngân sách cấp	546.635	546.635		-	1.090.293					
2. Toyota Innova	Toyota	70A-0235	8		2017	2017	2.0	Phục vụ chung	Ngân sách cấp	756.000	756.000		-	403.200	x				
3. Toyota Corolla Cross	Toyota	70A-0055.30	5		2022	2022	1.8	Phục vụ chung	Ngân sách cấp	792.800	792.800		-	687.093	x				
III. Xe chuyên dùng																			
1 Toyota Hiace (2.7)	Toyota	70A-003.85	16	VN	2017	28/7/2017	2.7	Phục vụ chung	Ngân sách cấp	1.160.070	1.160.070		-	618.704	x				
2 Toyota Hilux (2.5 E)	Toyota	70M-000.82	5	VN	2012	2012	2.5	Thanh tra giao thông	Ngân sách cấp	578.000	578.000		-	115.600	x				
3 Ford Ranger	Ford	70B-0659	5	VN	2006	2007	2.5	Truyền truyền lưu động	Bộ VH TT tăng	640.000	640.000		-	-	x				
Tổng cộng:										4.473.505	3.833.505	640.000	1.824.597						



BÁO CÁO KÊ KHAI XÓA THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU
(Kỳ báo cáo: Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023)

STT	TÊN TÀI SẢN	NGÀY THÁNG THAY ĐỔI	LÝ DO THAY ĐỔI	GIÁ TRỊ BÁN THANH LÝ VẬT TƯ THU HỒI (đồng)
1	01 (một) Dãy nhà bên trái BCH Quân sự xã An Thạnh (Xây dựng 1992, diện tích 188,37 m2, Nguyên giá 65.000.000 đồng).	09/01/2023	Hu hỏng, bán thanh lý phá dỡ	41.700.000
	Tổng cộng			41.700.000

Ghi chú:

- Cột số 1: Ghi ký hiệu, mã số của tài sản đã đăng ký trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công
- Cột số 2: Ghi tên thường gọi của tài sản cần xóa thông tin, ví dụ: Nhà A, Xe truyền hình lưu động,...
- Cột số 3: Ghi ngày/tháng/năm xóa thông tin
- Cột số 4: Ghi lý do về việc xóa thông tin về tài sản của đơn vị (do điều chuyển, phá dỡ, bán, thanh lý, thu hồi, tiêu hủy,..và số hiệu, ngày tháng năm và trích yếu văn bản của cấp có thẩm quyền về việc thay đổi thông tin).

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÔNG

Kỳ báo cáo: Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023

Phần 2: Chi tiết theo loại hình đơn vị

Tài sản	Số đầu kỳ			Số tăng trong kỳ			Số giảm trong kỳ			Số cuối kỳ	Nguyên giá
	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá		
I. Khối quản lý nhà nước											
1. UBND xã Lợi Thuận											
1.1 Trường TH Lợi Thuận B (cũ)											
- Đất	1	1.443,70					1	1.443,70			
- Nhà	1	588	1.746.647.000				1	588	1.746.647.000		
1.2 Trường MG Lợi Thuận (cũ)											
- Đất	1	974,70					1	974,70			
- Nhà	1	488,67	1.014.000.000				1	488,67	1.014.000.000		
2. UBND xã Tiên Thuận											
2.1 Trường mầm non Tiên Thuận (áp T&auacuten Lập)											
- Đất	1	751,50					1	751,50			
- Nhà	1	113,88	160.000.000				1	113,88	160.000.000		
2.2 Trường mẫu giáo Tiên Thuận (áp Rừng Dầu)											
- Đất	1	937,00					1	937,00			
- Nhà	1	339,36	1.215.872.000				1	339,36	1.215.872.000		
2.3 Trường TH Tiên Thuận B (áp A)											
- Đất	1	930,40					1	930,40			
- Nhà	1	250,61	337.551.000				1	250,61	337.551.000		
2.4 Trụ sở UBND xã (Khu Hành chính)											
- Đất	1	17.531,60					1	17.531,60			
- Nhà	1	1.021,50	4.720.057				1	1.021,50	4.720.057		
- Nhà làm việc Công an	1	539,9	2.818.524				1	539,90	2.818.524		
- Nhà 1 của UBND xã	1	258,5	957.765				1	258,50	957.765		

DVT cho: Số lượng là: Cái, khuông viên; Diện tích là m²; Nguyên giá là: Nghìn đồng.

Tài sản	Số đầu kỳ	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Số cuối kỳ					
	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
3. UBND xã Long Chữ									
Trường TH Long Chữ (áp Long Thành)									
- Đất				1	380,00			1	380,00
- Nhà				1	136	320.000.000		1	136
4. UBND xã Long Phước									
Trường MG Long Phước (áp Long Tân, Long Giang)									
- Đất				1	697,00			1	697,00
- Nhà				1	198	125.947.000		1	198
5. UBND Thị trấn Bên Cầu									
Trụ sở Công an Thị trấn									
- Đất				1	2.624,00			1	2.624,00
- Nhà				1	539,4	4.065.822.000		1	539,4
II. Khối Sư nghiệp									
1. Trường MN Long Chữ									
- Đất				1	3.198,80			1	3.198,80
- Nhà				1	520,9	568.000.000		1	520,9
2. Trường Tiểu học Tiên Thuận A									
- Đất				1	1.023,00			1	1.023,00
- Nhà				1	0	-		1	0
3. Trường Tiểu học Long Giang									
- Đất								0	-
- Nhà				1	1.551	11.083.861.000		1	1551
4. Trường THCS Long Giang									
- Đất								0	-
- Nhà				1	804	4.319.979.000		1	804
5. Trường MG Lợi Thuận (cũ)									
- Đất				1	974,70			1	974,70
- Nhà				1	488,67	1.014.000.000		1	488,67
6. Trường mầm non Tiên Thuận (áp Tân Lập)									
- Đất				1	751,50			1	751,50

Tài sản	Số đầu kỳ			Số tăng trong kỳ			Số giảm trong kỳ			Số cuối kỳ		
	Số lượng	Điện tích	Nguyên giá	Số lượng	Điện tích	Nguyên giá	Số lượng	Điện tích	Nguyên giá	Số lượng	Điện tích	Nguyên giá
- Nhà	1	113,88	160.000.000				1	113,88	160.000.000	0	0	-
7.Trường mẫu giáo Tiên Thuận (áp Rừng Đầu)												
- Đất	1	937,00					1	937,00		0	-	-
- Nhà	1	339,36	1.215.872.000				1	339,36	1.215.872.000	0	0	-
8.Trường MG Long Phước (áp Long Tân, Long Giang)												
- Đất	1	697,00					1	697,00		0	-	-
- Nhà	1	198	125.947.000				1	198	125.947.000	0	0	-
9.Trường TH Tiên Thuận B (áp A)												
- Đất	1	930,40					1	930,40		0	-	-
- Nhà	1	250,61	337.551.000				1	250,61	337.551.000	0	0	-
10.Trường TH Long Chữ (áp Long Thành)												
- Đất	1	380,00					1	380,00		0	-	-
- Nhà	1	136	320.000.000				1	136	320.000.000	0	0	-
11.Trường TH Long Chữ B												
- Đất	1	3.198,80					1	3.198,80		0	-	-
- Nhà	1	520,9	568.000.000				1	520,9	568.000.000	0	0	-
12.Trường TH Lợi Thuận B												
- Đất	1	1.443,70					1	1.443,70		0	-	-
- Nhà	1	588	1.746.647.000				1	588	1.746.647.000	0	0	-
13.Trường THCS Tiên Thuận (áp Tân Lập)												
- Đất	1	1.023,00					1	1.023,00		0	-	-
- Nhà	1	0					1	0		0	0	-
14.UBND xã An Thành												
Dãy nhà bên trái BCH Quân sự xã An Thành												
- Đất	1	-					1	-		0	-	-
- Nhà	1	188,37	65.000.000				1	188,37	65.000.000	0	0	-

Ghi chú:

- Tổng diện tích đất tăng thêm 2.624 m²; tổng diện tích nhà tăng thêm 4.714 m²; với số tiền 27.966.008 nghìn đồng (xây mới dưa vào sử dụng)
- Tổng diện tích nhà giảm 188,37 m²; với số tiền 65.000 nghìn đồng (Bán thanh lý tài sản hết khấu hao, hư hỏng phá dỡ, xây dựng trụ sở mới).

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÉN CÀU

Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỰ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
NĂM 2023

Ban chi huy quan su	768,50	760,000	768,50		2003	400,0	768,500	153,700	400,0
Van phong KCP I	111,40	60,000	111,40		2003	24,0	64,551	12,910	24,0
Van phong KCP II	435,20	26,000	435,20		2003	54,0	268,157	53,631	54,0
Van phong KCP IV	89,00	50,000	89,00		2003	24,0	19,357	3,871	24,0
Tram Y te thi trấn	570,10	2,850,000	570,10		2003	570,0	2,852,652	570,0	570,0
Cho Thu trấn	5,982,60	60,000			2003	5,982,60	603,837	120,767	
Bãi C61 (cũ)	2,586,00	5,100,000			2003	2,586,00			
Đất Công viên 15/3	18,300,00	9,100,000			2003	18,300,00			
Đai Chốt đất	3,290,00	90,000			2003	3,290,00			
Bãi chờ	17,525,00	50,000			2003	17,525,00			
Tru sở Công an Thị trấn 11/2023	2,624,00		2,624,00		2,023	539,4	4,065,822	3,903,189	539,4
2. UBND xã Lợi Thuận	18,160,20	1,153,030,00	17,195,50		974,70	2,661,97	10,357,508,00	1,790,670,76	2,173,30
Tru sở UBND xã	4,436,40	410,000	4,436,40		2003	510,0	549,484	109,897	510,0
Nhà Công an xã									
Nhà văn hóa Ấp Thuận Đông	341,30	90,000	341,30		2003	114,0	1,100,000	220,000	114,0
Nhà văn hóa Ấp Thuận Tâm	500,00	60,000	500,00		2003	114,0	1,100,000	220,000	114,0
Nhà văn hóa Ấp Thuận Chánh	342,70	80,000	342,70		2003	114,0	1,100,000	220,000	114,0
Văn phòng Ấp Thanh Tây	77,90	30	77,90		2003	48,0	35,460	-	48,0
Văn phòng Ấp Thuận Hòa	421,60	13,000	421,60		2003	118,0	1,100,000	-	118,0
Nhà BCH Quận sự xã	9,621,90	500,000	9,621,90		2003	432,0	1,700,000	-	432,0
Trường TH Lớn Thuận B (cũ)	1,443,70		1,443,70		2,023	588,0	1,746,647	833,391	588,0
Trường Mầm Non Thuận B (cũ)	974,70				974,70	2,023	488,7	1,014,000	-
3. UBND xã An Thành	13,924,79	2,482,000,00	13,924,79			3,569,51	17,408,874,00	4,178,130	3,569,51
Tru sở UBND xã	2,501,50	1,250,000	2,501,50		2003	1,850,0	9,500,000	1,900,000	1,850,0
Ban chi huy quan su xã	3,677,00	140,000	3,677,00		2003	369,5	1,400,000	-	369,5
Nhà Văn hóa Ấp 1/oi	769,20	350,000	769,20		2019	188,0	225,000	165,000	188,0
Văn phòng Ấp Chánh	113,49	30,000	113,49		2003	113,5	665,731	-	113,5
Trạm KSH Nucleo Bai (cũ)	1,328,80	450,000	1,328,80		2003	375,8	2,260,818	-	375,8
Trung tâm VHTT&TCĐ xã	2,251,80	230,000	2,251,80		2,019	672,7	3,357,325	2,462,038	672,7
Chợ An Thành	3,283,00	32,000	3,283,00		2003				
4. UBND xã Tiên Thuận	39,058,5	6,475,000	36,270,9			2,787,6		4,951,9	23,645,689,0
Tru sở UBND xã	2,256,8	830,000	2,256,8		2003	471,8	896,581	179,316	471,8
NVH liên ấp Rừng Dầu - Tân Lập	1,222,80		1,222,8		2,018	114,0	1,100,000	660,000	114,0
NVH liên ấp A.B	600,00	300,000	600		2,021	114,0	1,100,000	880,000	114,0
NVH liên ấp Bầu Tép - Bầu Trâm Lộn	892,80	450,000	892,8		2,021	115,0	1,100,000	880,000	115,0
NVH liên ấp Bầu Tép - Bầu Trâm Nhô	470,00	250,000	470		2,021	115,0	1,100,000	880,000	115,0
Văn phòng Ấp Rừng Dầu	295,00	25,000	295		2003	31,5	19,519	-	31,5
Văn phòng Ấp B	200,00	20,000	200		2003				
Văn phòng Ấp Bầu Tép	289,70	45,000	289,7		2003	31,5	82,114	-	31,5
Văn phòng Bầu Trâm +Lõm Bầu Tép	892,80	65,000	892,8		2021	159,6	842,893	674,314	159,6
Nhà Văn hóa xã	1,722,00	130,000	1,722		2008	276,0	350,000	46,667	276,0
Ban CH Quản sự xã (cũ)	813,30	270,000	813,3		2008	241,4	70,000	-	241,4
Ban CH Quản sự xã (mới)	4,450,00	900,000	4,450,00		2020	450,0	3,244,813	2,855,435	450,0
Trạm Y tế xã	1,757,60	850,000	1,757,60		2015	218,9	3,500,000	2,380,000	218,9
Khối Văn xã	257,60	90,000	257,6		2007	134,5	30,000	-	134,5
Sân Bóng đá (Rừng Dầu)	1,406,60	70,000				1,406,60		-	
Chợ Bầu trâm Lộn	1,381,0	130,000				1,381,00		-	
Khu hành chính xã									
Tru sở UBND xã	17,531,6	1,500,000	17,531,6		2,023	1,021,5	4,720,057	4,531,255	1,021,5
Nhà làm việc Công an xã					2,023	539,9	2,818,524	2,705,783	539,9
Nhà 1 cửa UBND xã					2,023	258,5	957,765	919,454	258,5

	Trưởng MN Tiên Thuận (áp Tân Lập)	751,5	751,5		2.023	113,9	160.000	-	113,9
	Trưởng MG Tiên Thuận (áp Rừng Đầu)	937,0	937,0		2.023	339,4	1.215.872	162.116	339,4
	Trưởng TH Tiên Thuận B (AP A)	930,4	930,4		2.023	205,6	331.551	-	205,6
5.	UBND xã Long Thuận	58.972,80	12.600.000,00	21.703,90	47.408,90	2.095,00	10.095.416,53	5.200.416,53	1.489,40
	Trưởng UBND xã	5.872,00	3.570,00	5.872,00		2005	887,0	1.850,000	592.000
	Trung tâm VHTTTHCED	31.794,60	1.810,00		31.794,60	2015	605,6	5.083.000	2.710.933
	Nhà Văn hóa áp Long Phi	553,50	250,00	553,50		2017	120,4	605.946	363.568
	Nhà Văn hóa áp Long Hòa	502,00	250,00	502,00		2017	120,4	793.318	475.991
	Nhà Văn hóa áp Long Hưng	3.089,90	530,00	3.089,90		2017	120,4	589.349	353.609
	Nhà Văn hóa áp Long An	615,00	250,00	615,00		2017	120,4	593.779	356.267
	Nhà Văn hóa áp Ngã TáC	931,50	350,00	931,50		2017	120,4	580.080	348.048
	Sân bóng Long Hưng	5.474,30	490,00		5.474,30				-
	Chợ Cầu Long Thuận	6.700,00	3.600,00	6.700,00	6.700,00				-
	Chợ Chiếu Long Phi	3.440,00	1.500,00	3.440,00	3.440,00				-
6.	UBND xã Long Khánh	36.100,00	4.560.000,00	5.511,60	30.588,40	1.696,94	12.255.064,00	6.117.358,93	1.696,94
	Trưởng UBND xã	1.630,90	530,00	1.630,90		2010	450,5	4.500.000	2.160.000
	Văn phòng áp Long Châu	556,50	250,00	556,50		2014	120,4	498.164	199.266
	Văn phòng áp Long Phú	846,60	230,00	846,60		2014	120,4	495.721	198.288
	Văn phòng áp Long Cường	365,30	150,00	365,30		2014	120,4	499.125	199.650
	Văn phòng áp Long Trinh	359,80	150,00	359,80		2014	120,4	496.054	198.422
	Trung tâm VHTTTHCED	18.598,40	1.700,00	18.598,40	18.598,40	2015	580,0	4.000.000	1.866.667
	Chòi Dân quán Gò Da	1.752,50	250,00	1.752,50		2019	185,0	1.766.000	1.295.067
	Sân bóng đá Long Khánh	12.000,00	1.300,00		12.000,00				185,0
7.	UBND xã Long Giang	30.480,0	6.958.000,0	24.609,7	5.870,3	5.349,0	31.806.961,0	25.091.009,0	5.349,0
	Trưởng UBND xã (cũ)	2.892,6	1.910,00	2.892,60		2004	2.138,4	2.800.000	672.000
	Khu Hành chính xã	16.288,7	2.500,00	16.288,70		2021	2.195,9	22.723.212	19.996.427
	Văn phòng áp Bảo	1.389,90	150,00	1.389,90		2006	25,9	70.000	-
	NVH áp Long Tân (VP áp Long Tân cũ)	621,50	23 000	621,50		2022	119,0	1.252.981	1.085.917
	Văn phòng áp Cao Su	1.633,00	175,000	1.633,00					119,0
	NVH liên áp, áp Bảo + Xóm Khách Khối Văn cũ)	1.784,00	950,00	1.784,00		2018	705,6	3.610.000	2.166.000
	NVH áp Cao Su (NVH xã cũ)	2.213,10	330,000		2.213,10	2.022	164,2	1.350.768	1.170.666
	Đất Trồng MG Long Giang (cũ)	1.099,70	540,000		1.099,70				164,2
	Chợ Long Giang	2.557,50	380,000		2.557,50				-
8.	UBND xã Long Chữ	29.957,50	8.050,000	15.727,90	14.229,60	2.795,00	13.753.064,00	9.555.625,08	2.795,00
	Trưởng UBND xã	8.989,50	4.670,000	8.989,50		2000	1.048,3	4.110.000	1.64.400
	Nhà Làm việc Công an xã					2021	324,4	2.427.641	2.136.324
	Trung tâm VHTTTHCED	14.229,60	2.080,000		14.229,60	2018	745,4	4.485.816	5.682.034
	Nhà Văn hóa áp Long Hòa	2.965,20	470,000	2.965,20		2018	181,0	459.224	275.34
	Nhà Văn hóa áp Long Giao	1.630,00	260,000	1.630,00		2017	121,6	660.903	352.482
	Nhà Văn hóa áp Long Thành	392,50	60,000	392,50		2017	131,1	312.549	166.693
	Nhà Văn hóa áp Long Hòa 2	707,20	110,000	707,20		2018	121,6	667.041	400.225
	Nhà Văn hóa áp Long Bình	1.043,50	400,000	1.043,50		2017	121,6	629.890	377.934
	Trường TH Long Chữ (áp L.Thanh)	380,00	380,00		380,00	2.023	136,0	320.000	-
9.	UBND Long Phước	14.333,10	5.630.000,00	8.750,00	5.603,10	3.747,53	10.021.000	5.398.800	3.747,53
	Trưởng UBND xã	6.087,70	910,000,00	6.087,70		2021	547,98	2.530.000	2.048,5
	Nhà Lâm việc Công an xã					2021	385,00	2.317.000	1.853.600
	Nhà Lâm việc Xã Đoài	697,00	160,000,00	697,00		2016	120,4	500,000	266.667

Nhà Văn hóa áp Phước Tây	852,90	760.000,00	852,90		2016	120,4	498.000	265.600	120,4
Nhà Văn hóa áp Phước Trung	1.092,40	670.000,00	1.092,40		2016	120,4	496.000	264.333	120,4
Trung tâm VH TTHTCĐ	5.603,10	3.130.000,00		5.603,10	2016	405,0	1.170.000	624.000	405,0
Trường MG Long Phước	697,00		697,00		2023	198,0	125.947	-	198,0
IV. Khối trường học	239.906,9	143.709.979,0	239.906,9			61.288,8	321.033.168	194.373.871	61.288,8
1 MN 15/3					2006	192	200.000	-	192
1 Lớp học 1	7.105,0	11.000.000	7.105		2016	210	5.000.000	3.400.000	210,0
Lớp học 2					2021	1.447	9.039.388	7.954.661	1.447,0
Lớp học 3					2010	452,5	1.892.227	0	452,5
2 MN An Thành	4.904,4	3.000.000	4.904		2011	452,5	1.892.226	126.148	452,5
MN Lợi Thuận (Đầy Hành chính)					2020	603,98	2.642.961	1.938.711	603,98
- Dãy 2 Phòng học Trệt					2020	230,28	1.158.919	849.874	230
3 - Dãy 6 phòng học Trệt	6.564,0	456.759	6.564		2020	826	4.253.121	3.118.955	826
- Dãy nhà ăn +bếp					2020	248,46	1.146.044	504.655	248,46
- Dãy 2 phòng học Trệt					2019	595	2.946.217	1.964.145	595
MN Lợi Thuận (Thuận Tây)	9.993,0	6.795.906	9.993,0		2015	206,6	1.510.829	604.332	206,6
MN Tiên Thuận Ấp Rưng Đầu					2010	339,36	1.215.872	81.058	339,4
4 - Dãy nhà 01 Hành chính	4.312,7	416.000	4.313		2021	738,98	4.817.822	4.239.683	738,98
- Dãy nhà 02 Phòng học					2021	1.498,11	7.019.817	6.177.459	1.498,1
MN Long Thuận					2008	431,8	850.000	-	431,8
- Dãy 2 Phòng học Long Phú					2010	286,02	784.877	52.325	286,0
5 - Dãy 7 phòng học Long Phú					2017	107,8	4.794.139	2.556.874	107,8
Dãy 7 phòng học Long Phú					2017	107,8	2.996.336	1.598.046	107,8
- Dãy 1 phòng học Long Hưng	927,8	135.000	927,8		2010	71,9	342.438	22.829	71,9
6 MN Long Khanh	5.112,0	8.300.000	5.112		2014	808	8.300.000	2.766.667	808,0
7 MN Long Giang	9.827,0	4.000.000	9.827		2012	216	1.844.355	368.871	216,0
MN Long Chữ	3.463,7	3.400.000	3.464		2014	56	1.012.545	337.515	56,0
MN Long Phước					2019	686	14.997.373	9.998.249	686,0
- Dãy nhà bếp					2015	1.270,22	5.562.376	2.224.950	1.270,22
9 - Dãy nhà bảo vệ	3.027,0	302.600	3.027		2015	112	492.586	197.034	112,2
- Dãy nhà xe					2015	9	40.500	16.200	9,0
- Dãy công chao					2015	45	54.000	21.600	45,0
Dãy phòng học					2015	879	890.145	356.058	879,0
TH Thị Trần - Dãy tầng lầu 1					2014	117	1.464.368	488.123	117,2
- Dãy nhà ăn					2010	560	3.309.226	220.615	560,0
- Dãy nhà bếp					2014	48	60.000	20.000	48,0
- Dãy lớp học tầng lầu 2					2014	72	90.000	30.000	72,0
Dãy nhà vệ sinh					2022	800	9.823.005	9.037.165	800,0
11 TH An Thành (mới)	13.952,0	6.000.000	13.952		2014	48	337.192	112.397	48,0
TH Lợi Thuận					2011	1076	11.329.525	5.438.172	1.076
- Dãy nhà 01					1998	216	90.000	0	216,0
- Dãy nhà 02					2009	174	1.184.914	0	174,0
- Dãy nhà 03					2012	174	1.220.012	0	174,0
- Dãy nhà vệ sinh					2012	448	3.200.000	426.567	448,0
- Dãy nhà xe					2007	24,5	63.285	0	24,5
13 TH Tiên Thuận A	4.487,7	3.752.714	4.487,7		2005	35	7.000	0	35,0
14 TH Tiên Thuận B	8.671,0	1.631.000	8.671		2019	583,2	2.963.746	1.975.831	583,2
TH Tiên Thuận C (Day 1)					2020	779,8	9.823.005	8.644.244	779,8
15 - Dãy 2	2.243,2	210.000	2.243		2018	128	348.000	200.000	128,0

26	-Dãy 1	10.000,0	1.000.000	10.000						2021	1325	9.692.459	8.529.364	1.325	
	-Dãy 2									2021	1509	4.845.756	4.264.265	1.509,0	
27	THCS Nguyễn Văn Án	11.740,0	6.000.000	11.740						2007	558	1.462.719	468.070	558,0	
	-Nhà 1									2008	558	1.742.154	627.175	558,0	
	-Nhà 2									2008	558	1.742.155	627.176	558	
28	THCS Long Khánh	5.167,3	310.000	5.167						2013	5167,3	18.200.000	10.192.000	5.167	
	THCS Long Giang									1988	187,2	18.000	0	187,2	
29	-Nhà 1	8.147,3	4.000.000	8.147,30						2008	327,6	557.504	111.501	327,6	
	-Nhà 2									2023	804	4.319.979	4.147.180	804	
	-Nhà 3									2008	280,8	1.344.082	0	280,8	
	THCS Long Chữ									2018	816,74	6.601.672	5.017.271	816,7	
30	-Dãy nhà Hành chính	6.276,90	1.000.000	6.276,9						2016	319,88	1.974.813	1.421.865	319,9	
	-Dãy nhà 8 phòng học									2011	857,48	3.582.409	477.635	857,5	
	TH-THCS Long Phước									2016	908	9.598.850	6.537.218	908,0	
31	-Dãy nhà Phước Đồng	5.683,9	1.000.000	5.684						2016	960	9.493.036	6.455.264	960,0	
	-Dãy nhà Phước Tây									2010	136	453.000	30.200	136,0	
	-Dãy nhà Phước Trung									2008	144	253.000	-	144,0	
	Tổng cộng:	676.488,0	321.353.079,0	446.335,6	-	-	85.320.104,8			103.738,6	506.288.994,0	237.407.898,3	101.085,3	-	2.165
														-	488,7

Ghi chú:

- Công khai về nhà: Trường hợp có thể tách biệt được phần diện tích sử dụng của từng mục đích thì ghi tương ứng diện tích đối với từng mục đích sử dụng; nếu không tách được thì ghi vào “sử dụng hỗn hợp”.
- Nếu tại đơn vị phát sinh việc “sử dụng khác” diện tích nhà, đất thì ghi rõ hiện trạng sử dụng khác (bị lấn chiếm, bỏ trống...).



CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH KHÁC NĂM 2023

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo số kê toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng				
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác						
1	Xe ô tô		3	4	4.473.505	4.473.505	-	1.824.597				
1	Toyota Innova, biển số 70A-002.35	VP.UBND	01	756.000	756.000		756.000	403.200				2017
2	Toyota Corolla Cross, biển số 70A-005.50	VP.UBND	1	792.800	792.800		687.093					2022
3	Toyota Altis, biển số 70B-0522	VP.HU	01	546.635	546.635		0					2004
4	Toyota Hiace, biển số 70A-003.85	VP.HU	01	1.160.070	1.160.070		618.704					2017
5	Ford Ranger, biển số 70B-0639	Trung tâm Văn hóa TT, TT	01	640.000	640.000		0					2006
6	Toyota Hilux 2.5E, biển số 70A-003.85	Thanh tra GT	01	578.000	578.000		115.600					2012
II Tài sản cố định khác												
1	Tài sản cố định A											
2	Tài sản cố định B											
	...											

Ghi chú:

- Cột 2: Phần I Xe ô tô: Ghi theo nhãn hiệu và biển kiểm soát (Ví dụ: Toyota Camry 10A-9999).
- Trường hợp có “sử dụng khác” thì ghi rõ hiện trạng đang sử dụng.



Mẫu số 01

TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ NHÀ, ĐẤT CỦA UBND HUYỆN BẾN CÀU
(Kèm theo báo cáo số /6/BC-UBND ngày 5 tháng 02 năm 2024 của UBND huyện Bến Cầu)

Đơn vị	Tổng số cơ sở nhà, đất thuộc phạm vi đồi tượng sáp xếp, xử lý theo quy định	Số cơ sở nhà, đất được phê duyệt Phương án sắp xếp, xử lý					Số cơ sở nhà, đất còn phải sắp xếp lại, xử lý theo quy định			Ghi chú
		Giữ lại tiếp tục sử dụng	Thu hồi	Điều chuyển	Bán	Chuyển mục đích	PA khác	Số cơ sở nhà, đất đã kê khái báo cáo	Số cơ sở nhà, đất đã gửi lấy ý kiến UBND cấp tỉnh	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Khối hành chính sự nghiệp								12	13
1	UBND huyện Bến Cầu	101	101	76	0	14	11	0	0	0
	Tổng cộng	101	101	76	0	14	11	0	0	0

Bến Cầu, ngày 24 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả sau kiểm tra công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí Và công tác quản lý tài sản công năm 2023 trên địa bàn huyện

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Bến Cầu về việc thành lập đoàn kiểm tra công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và công tác quản lý tài sản công năm 2023 trên địa bàn huyện.

Đoàn kiểm tra báo cáo Kết quả sau kiểm tra công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và công tác quản lý tài sản công năm 2023 trên địa bàn huyện như sau:

I. Kết quả đạt được

Thực hiện Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 18/4/2023 về kiểm tra công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và công tác quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023 trên địa bàn huyện. Đoàn kiểm tra đã thực hiện kiểm tra đối với các đơn vị: Phòng Lao động Thương binh và Xã hội, UBND xã Long Chữ, UBND xã Long Phước, Trường THCS Thị trấn, Trường TH Lợi Thuận. Các nội dung kiểm tra được đoàn kiểm tra nghiên cứu chuẩn bị sớm, soạn thảo đề cương chi tiết để các đơn vị được kiểm có cơ sở báo cáo đầy đủ.

Nhìn chung công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và công tác quản lý tài sản công năm 2023 trên địa bàn huyện các đơn vị báo cáo đúng theo đề cương của đoàn yêu cầu. Thông qua việc kiểm tra, đoàn cũng chỉ ra những tồn tại, hạn chế thiếu sót của các đơn vị.

II. Nhận xét

1. Ưu điểm

Trên cơ sở Kế hoạch kiểm tra của đoàn, các cơ quan, đơn vị đã chuẩn bị nội dung, thành phần và sắp xếp thời gian làm việc với đoàn đảm bảo theo kế hoạch.

2. Khuyết điểm

Việc chấp hành chế độ báo cáo phục vụ công tác kiểm tra chưa đảm bảo đúng thời gian quy định: Phòng Lao động Thương binh và Xã hội, Trường THCS Thị trấn.

3. Kết quả kiểm tra:

3.1 Về căn cứ xây dựng chương trình hành động, ban hành kế hoạch:

Trường THCS Thị trấn, Tiểu học Lợi Thuận không căn cứ trên Chương trình THTK, CLP năm 2023 của UBND tỉnh, của UBND huyện¹ dẫn đến nội dung chương trình chưa đảm với chương trình THTK, CLP năm 2023 của UBND tỉnh, của UBND huyện.

3.2 Về xây dựng các chỉ tiêu:

Phòng Lao động TBXH, UBND Xã Long Phước, UBND Long Chữ, trường TH Thị trấn chưa xây dựng kế hoạch đưa ra các chỉ tiêu tiết kiệm, chưa xác định rõ chỉ tiêu tiết kiệm trong các lĩnh vực.

3.3 Về ban hành và thực hiện kế hoạch tuyên truyền THTK, CLP:

UBND Xã Long Phước, Trường THCS Thị trấn, Trường TH Thị trấn chưa xây dựng kế hoạch tuyên truyền THTK, CLP.

3.3 Về tổ chức thực hiện cơ chế tự chủ tài chính

3.3.1 Về ban hành quy chế chi tiêu nội bộ:

Nhìn chung qua kiểm tra, các đơn vị có ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, có căn cứ vào chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Mức chi, chế độ chi, tiêu chuẩn định mức, chế độ khoán trong Quy chế chi tiêu nội bộ không vượt quá chế độ, định mức, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Tuy nhiên, còn đơn vị áp dụng văn bản không còn hiệu lực làm căn cứ để xây dựng, ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ. Cụ thể, như sau:

- Trường THCS Thị Trấn, trường TH Thị Trấn: Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ căn cứ văn bản không còn hiệu lực².

- UBND xã Long Chữ: Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ căn cứ văn bản không còn hiệu lực tại khoản 6 Điều 15 chi hoạt động của HĐND xã³.

3.3.2 Về xây dựng và ban hành quy chế quản lý và quản lý sử dụng tài sản công:

- Trường THCS Thị Trấn, trường TH Thị Trấn, UBND xã Long Phước, UBND xã Long Chữ, Phòng Lao Động Thương Bình và xã hội khi xây dựng quy chế quản lý và sử dụng tài sản công thiếp căn cứ pháp lý⁴.

¹ Quyết định số 378/QĐ-UBND Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2023; ; Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 03/4/2023 của UBND huyện Bến Cầu về việc ban hành chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023.

² Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 thay thế bởi Nghị định 16/2015/NĐ-CP Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, và đã thay thế bởi Nghị định 60/2021/NĐ-CP Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006; Thông tư số 113/2007/TT-BTC ngày 24/9/2007 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 thay bởi Thông tư 56/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 hết hiệu lực thay thế bởi Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021; Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh Tây Ninh hết hiệu lực thay thế bởi Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 19/12/2022 .

³ Tại khoản 6 Điều 15 chi hoạt động của HĐND xã căn cứ Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 49/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; Nghị quyết số Nghị quyết số 23/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 đã hết hiệu lực.

- UBND xã Long Chữ, UBND xã Long Phước ban hành Quyết định về xây dựng quy chế quản lý, sử dụng tài sản công thiếu cơ sở pháp lý⁴, quy chế còn chung chung, không đưa ra được những quy định cụ thể về quản lý sử dụng tài sản của UBND xã, không xây dựng tiêu chuẩn định mức sử dụng tài sản, chế độ quản lý sử dụng tài sản của UBND xã, công khai việc quản lý sử dụng tài công.

- Về trụ sở Phòng Lao động Thương binh và Xã hội. Căn cứ Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 29/7/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thu hồi 497,4m² đất tại khối 1, Thị trấn Bến Cầu, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh thuộc quyền quản lý của UBND huyện Bến Cầu và giao cho Phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện Bến Cầu để xây dựng trụ sở làm việc. Do vậy đề nghị Phòng Lao động Thương binh và Xã hội liên hệ Phòng Tài nguyên và Môi trường để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

III. Kiến nghị đề xuất

Qua kết quả kiểm tra công tác THTK, CLP nêu trên, Đoàn Kiểm tra có ý kiến đề xuất UBND huyện chỉ đạo các đơn vị về công tác THTK, CLP, như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch THTK, CLP năm 2023 (kể cả khối xã, các đơn vị trường học), cụ thể kế hoạch chi tiết các nội dung tiết kiệm và tổ chức thực hiện để phục vụ công tác chấm điểm về THTK, CLP theo Thông tư 129/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. Rà soát và điều chỉnh quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công đúng quy định của pháp luật.

3. Về mở sổ theo dõi trong lĩnh vực kế toán: áp dụng đúng các mẫu sổ theo quy định hiện hành.

4. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập: Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ thực hiện đúng theo Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Quản lý tài chính tài sản công đúng theo Công văn số 1133/UBND ngày 24/7/2023 của UBND huyện Bến Cầu về việc tăng cường công tác quản lý tài chính tài sản công. Việc thực hiện mua sắm tài sản công đúng theo Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg ngày 08/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số

⁴ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018; Thông tư số 37/2018/TT-BTC ngày 16/4/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ; Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg ngày 08/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về một số gói thầu, nội dung mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặt biệt theo quy định tại điều 26 Luật đấu thầu; Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết việc sử dụng vốn Nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan Nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; Thông tư số Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016;

32/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh Tây Ninh. Xây dựng quy chế mua sắm tài sản công tại đơn vị, hàng năm kiểm kê tài sản mở sổ theo dõi tài sản cố định.

6. Phòng Lao động Thương binh và Xã hội phối hợp Phòng Tài nguyên và Môi trường khẩn trương lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ quan đảm bảo quy định.

Trên đây là báo cáo Kết quả sau kiểm tra công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và công tác quản lý tài sản công năm 2023 trên địa bàn huyện, báo cáo UBND huyện chỉ đạo thực hiện./.

Noi nhận:

- UBND huyện;
- BLD Phòng TCKH;
- Đoàn kiểm tra;
- Các đơn vị được kiểm tra;
- Lưu: VT,TCKH.

**TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TCKH**



Trần Văn Chia